

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tâm

2. Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 197/2020/TB-ST ngày 06/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số nhà 263, tầng 2, lô 13, g road, Singapore.

- Đại diện theo uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng của nguyên đơn chị Đỗ Thị L là chị: Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 31/01/2020 nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quang H kết hôn ngày 07/4/2006, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh H làm dâu ở và chung cùng gia đình chồng được khoảng 2 tháng thì vợ chồng ra ở riêng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vài năm thì có mâu thuẫn nhỏ, không đáng kể. Tuy nhiên đến tháng 02/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H chơi bời cờ bạc, không tu chí làm ăn, chị đã khuyên bảo nhưng anh H không nghe và ngày càng lấn sâu hơn. Ngoài ra, anh H còn thường xuyên đánh đập và đe dọa giết chị. Do chị không chịu đựng được nên từ tháng 3/2019 đến nay chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh H. Đến tháng 5/2019 thì chị đi lao động ở Singapore, từ khi chị sang Singapore thì anh H có sang Singapore 2 lần để tìm chị và gây khó khăn cho chị còn đe dọa giết chị. Hiện nay chị vẫn đang trong thời gian lao động ở Singapore. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 21/5/2007 và cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 25/9/2016. Hiện nay con chung đang ở với ông bà nội và anh H.

Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung là cháu Nguyễn Quang A và cháu Nguyễn Thảo M. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị giải quyết. Nếu anh H đề nghị được nuôi cả hai con chung là cháu Nguyễn Quang A và cháu Nguyễn Thảo M thì chị cũng đồng ý. Nếu anh H đề nghị nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang A thì chị sẽ nuôi cháu Nguyễn Thảo M, còn nếu anh H đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thảo M thì chị sẽ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang A. Tuy nhiên, nếu anh H đề nghị được nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung thì chị cũng đồng ý, nhưng chị chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/1 con chung/1 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Không có, chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Hiện nay chị từ Singapore về Việt Nam thăm gia đình, thời gian ở Việt Nam của chị không lâu, chị lại phải tiếp tục quay lại Singapore nên chị không thể ở Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh H được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh H.

Chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; trú tại: thôn M, xã Hương M, huyện V, tỉnh Bắc Giang nhận nộp đơn khởi kiện, tạm ứng án phí, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang H trình bày: Anh và chị Đỗ Thị L được tự do tìm hiểu và có kết hôn ngày 07/4/2006, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị L về nhà anh làm dâu, ở chung cùng gia đình anh khoảng 2 tháng thì anh chị ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hoà thuận, nhưng những năm sau đó có mâu thuẫn nhưng

đều là nhỏ nhất. Tuy nhiên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 11/2015, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Từ thời điểm đó chị L thường xuyên bỏ nhà đi, đi đâu anh không rõ. Từ đó vợ chồng ít khi liên lạc với nhau. Khoảng tháng 5/2019 chị L đi lao động tại Singapore nhưng việc chị L đi anh không được bàn bạc. Sau đó chị L đi anh có sang xem chị L làm việc gì bên đó và nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ và gọi điện hỏi thăm các con nhưng chị L không đồng ý. Khi gia đình biết chuyện có khuyên bảo nhưng không được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L làm đơn xin ly hôn anh tại Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang anh cũng đồng ý. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L. Anh không đồng ý với trình bày của chị L về việc anh chơi bài bạc, đánh đập, chửi bới, dọa giết chị.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 21/5/2007 và cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 25/9/2016 như chị L trình là đúng. Hiện nay hai cháu đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/1 cháu/ 1 tháng từ khi xử đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Do anh đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị L và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị L và anh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2020 cháu Nguyễn Quang Anh trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Quang H và mẹ Đỗ Thị L. Hiện cháu đang ở cùng bố và ông bà nội. Trường hợp bố mẹ cháu không chung sống cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị L, bị đơn anh Nguyễn Quang H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị L; bản tự khai của anh H, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Đỗ Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Quang H tại biên bản ghi lời khai ngày 27/2/2020 anh H xin vắng mặt. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều

228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L. Xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 21/5/2007 và cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 25/9/2016 cho anh Nguyễn Quang H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung.

Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến kiểm sát viên tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Quang H đều xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh H.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Đỗ Thị L là nguyên đơn, hiện đang lao động tại Singapore có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Quang H, anh H có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Quang H kết hôn ngày 07/4/2006, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Chị L khởi kiện xin ly hôn anh H. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị L. Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi kết hôn cùng anh H chị L về nhà anh H làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng sau đó hai vợ chồng ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính cách hai bên không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra tranh cãi và chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 3/2019. Đến tháng 5/2019 chị L đi xuất khẩu lao động ở Singapore, anh H có sang Singapore nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ với nhau nhưng chị L không đồng ý. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh H, anh H cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều

53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L và anh H được ly hôn.

[4]. Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 21/5/2007 và cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 25/9/2016. Chị L cũng có nguyện vọng nuôi hai con nếu anh H đồng ý. Tuy nhiên, chị L cũng có ý kiến nếu anh H nuôi hai con thì chị đồng ý giao hai con chung cho anh H nuôi dưỡng. Anh H có lời khai đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng. Xét đề nghị nuôi con chung của chị L và anh H. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay chị L đang lao động tại Singapore không có mặt tại Việt Nam nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặt khác con chung là cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 21/5/2007 trên 7 tuổi có lời khai muốn được ở cùng bố và ông bà nội, chị L cũng có quan điểm nếu anh H nhận nuôi hai con chị cũng đồng ý. Từ khi chị L đi lao động tại Singapore các con chung đều do anh H và ông bà nội chăm sóc, các cháu được học tập đầy đủ và phát triển bình thường, khỏe mạnh. Nên chấp nhận đề nghị của anh H giao hai con chung cho anh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với thực tế và điều kiện của chị L và anh H cũng như nguyện vọng của con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị L cũng đồng ý nếu anh H nuôi hai con chung chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng/1 con chung/1 tháng cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Anh H cũng nhất trí với ý kiến của chị L.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho anh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 21/5/2007 và cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 25/9/2016. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cho anh H là 2.000.000đ/1 con chung/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2020 cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Chị L và anh H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm, chị L phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Xứ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Quang H là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 21/5/2007 và cháu Nguyễn Thảo M, sinh ngày 25/9/2016 đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Chị Đỗ Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Quang H số tiền là 2.000.000đ/1 con chung/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung Nguyễn Quang A và Nguyễn Thảo M tròn 18 tuổi.

Chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000575 ngày 07/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị L hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Quang H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, Huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền

